

Quy mô cơ sở gây nuôi

Quy mô của các đàn nuôi khác nhau theo loài và phụ thuộc vào mục đích của việc chăn nuôi động vật và loài cụ thể. Các động vật có vú được nuôi theo số lượng đàn nhỏ (10-50 con) trong khi bò sát được nuôi theo quy mô đàn lớn hơn (100-200 con). Có 24 cơ sở nuôi trên 5.000 con trở lên và cơ sở gây nuôi cá sấu lớn nhất có tới 53.993 cá thể.

Nguồn gốc của động vật

Trong số 5.587 nhóm động vật được khảo sát, chỉ có 293 nhóm (5%) được khai thác trực tiếp từ tự nhiên. Trong số các loài được gây nuôi thông dụng nhất (hơn 20 cơ sở), Sáo đuôi cò là loài động vật có tỷ lệ được khai thác trực tiếp từ tự nhiên cao nhất, 57%. Các động vật khác khó sinh sản trong điều kiện gây nuôi cũng có tỷ lệ động

vật khai thác từ tự nhiên cao như chim gáy (51%) và gấu (42%). Các cơ sở gây nuôi động vật không thông dụng báo cáo rằng hầu hết các động vật đều được khai thác từ tự nhiên bao gồm hổ (100%), thỏ rừng (100%) và sóc (71%). Trong số các loài có nguy cơ cao làm lây lan các dịch bệnh có khả năng lây từ động vật sang người, chỉ có 1% chủ cơ sở gây nuôi nhím, 2,5% chủ cơ sở gây nuôi lợn rừng, 5,5% chủ cơ sở gây nuôi cây và 29,1% chủ cơ sở gây nuôi động vật linh trưởng cho biết rằng động vật ở cơ sở của họ có nguồn gốc từ tự nhiên.

Bản đồ phân bố

Các bản đồ khổ lớn về các loại cơ sở gây nuôi động vật hoang dã và sự phân bố của các cơ sở này đã được in và cung cấp cho các tỉnh để phục vụ việc quản lý tốt hơn việc gây nuôi động vật hoang dã.

CÁC KHUYẾN NGHỊ CHỦ YẾU ĐỂ KHẢO SÁT BỀN VỮNG

- Cán bộ kiểm lâm các cấp cần hiểu biết rõ về các công cụ này và tài liệu tập huấn
- Cần xem xét việc thay thế các mẫu báo cáo hàng năm hiện đang được sử dụng bằng công cụ khảo sát mới được xây dựng này hay không và nếu có, điều này cần được thông báo qua cơ chế chính thức.
- Việc khảo sát cần được nhân rộng sang các tỉnh khác để bảo đảm rằng thông tin được thu thập một cách nhất quán trên toàn quốc.
- Cần xây dựng một cơ sở dữ liệu đăng ký quốc gia về gây nuôi động vật hoang dã nhằm hỗ trợ việc giám sát dễ dàng hơn các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã tại Việt Nam và cơ sở dữ liệu này cần được kết nối với các công cụ khảo sát được xây dựng trong khuôn khổ dự án này.
- Mỗi cơ sở gây nuôi động vật hoang dã cần phải được cung cấp một số/mã số xác định duy nhất;
- Cần xây dựng các tài liệu tập huấn cho người chăn nuôi, bao gồm một cẩm nang hướng dẫn chung về tiêu chuẩn chuồng trại gây nuôi động vật hoang dã, an toàn sinh học, an toàn thực phẩm và phòng ngừa dịch bệnh.
- Cần triển khai việc rà soát các quy định về gây nuôi động vật hoang dã để xác định các quy định còn thiếu và các sửa đổi cần thiết để giải quyết các bài học rút ra từ cuộc khảo sát dữ liệu thí điểm này.
- Cần xây dựng chiến lược và phương pháp để thu hút sự hỗ trợ của ngành thú y nhằm giúp việc quản lý thú y đối với các động vật hoang dã được tốt hơn; sự trợ giúp các chuyên gia chăn nuôi nhằm giúp tăng cường các thực hành an toàn sinh học và chăn nuôi; cũng như sự trợ giúp của các cán bộ thực thi pháp luật để giải quyết các vấn đề tại các cơ sở có hành vi vi phạm các quy định, trong đó có các vấn đề liên quan đến các loài được đưa vào danh sách của CITES.
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và chính quyền cấp tỉnh cần cam kết cung cấp nguồn nhân lực và tài chính để bảo đảm rằng phương thức gây nuôi động vật hoang dã được xây dựng đúng đắn nhằm bảo đảm các động vật được gây nuôi lấy thịt và các sản phẩm động vật được an toàn, khỏe mạnh và không dịch bệnh.

GÂY NUÔI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ Ở VIỆT NAM



Báo cáo sơ lược về thí điểm cập nhật dữ liệu các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã ở miền Nam Việt Nam

TÓM TẮT

Thông qua thỏa thuận hợp tác giữa Trung tâm Khẩn cấp về các Bệnh Động vật xuyên Biên giới thuộc FAO (ECTAD) – Chương trình FAO Việt Nam và Tổng cục Lâm nghiệp (VNForest) – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD), một cuộc khảo sát thí điểm điều tra các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã đã được Chi cục Kiểm lâm (PFPDs) tại 12 tỉnh/thành phía nam gồm Bà Rịa-Vũng Tàu, Bến Tre, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Long An, Tây Ninh, Tiền Giang và Thành phố Hồ Chí Minh triển khai từ tháng 5-tháng 7/2014.

Cuộc khảo sát này đã tiến hành cập nhật dữ liệu ở 4.099 cơ sở gây nuôi động vật hoang dã đang hoạt động và thu thập thông tin về 1.554.511 động vật đang được gây nuôi tại các cơ sở này, trong đó có 1.218.547 cá thể thuộc 182 loài động vật hoang dã và 335.964 con gia súc, gia cầm và các loài động vật nuôi khác. Bên cạnh đó, có 1.907 cơ sở ngừng hoạt động đã từng gây nuôi 158.093 cá thể thuộc 45 loài động vật hoang dã. Các chủ cơ sở gây nuôi này cho biết họ đã ngừng việc chăn nuôi động vật hoang dã do giá cả của một số loài động vật hoang dã được gây nuôi bị giảm mạnh. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa rõ các hộ còn tiếp tục duy trì sẽ làm gì với một số lượng lớn các động vật hoang dã vẫn còn tồn tại và điều này đặt ra một vấn đề quản lý quan trọng cần phải giải quyết.

Các thông tin và bản đồ phân bố có liên quan thu được từ cuộc khảo sát điều tra này đã giúp xác định rõ ràng hơn về số lượng cũng như các phương thức gây nuôi động vật hoang dã tại 12 tỉnh thành được khảo sát thử nghiệm. Việc này, ngược lại, có thể giúp tăng cường việc quản lý các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã nói chung và có cái nhìn sâu sắc hơn về mọi khía cạnh của các vấn đề liên quan đến chăn nuôi, an toàn sinh học, thực hành chăn

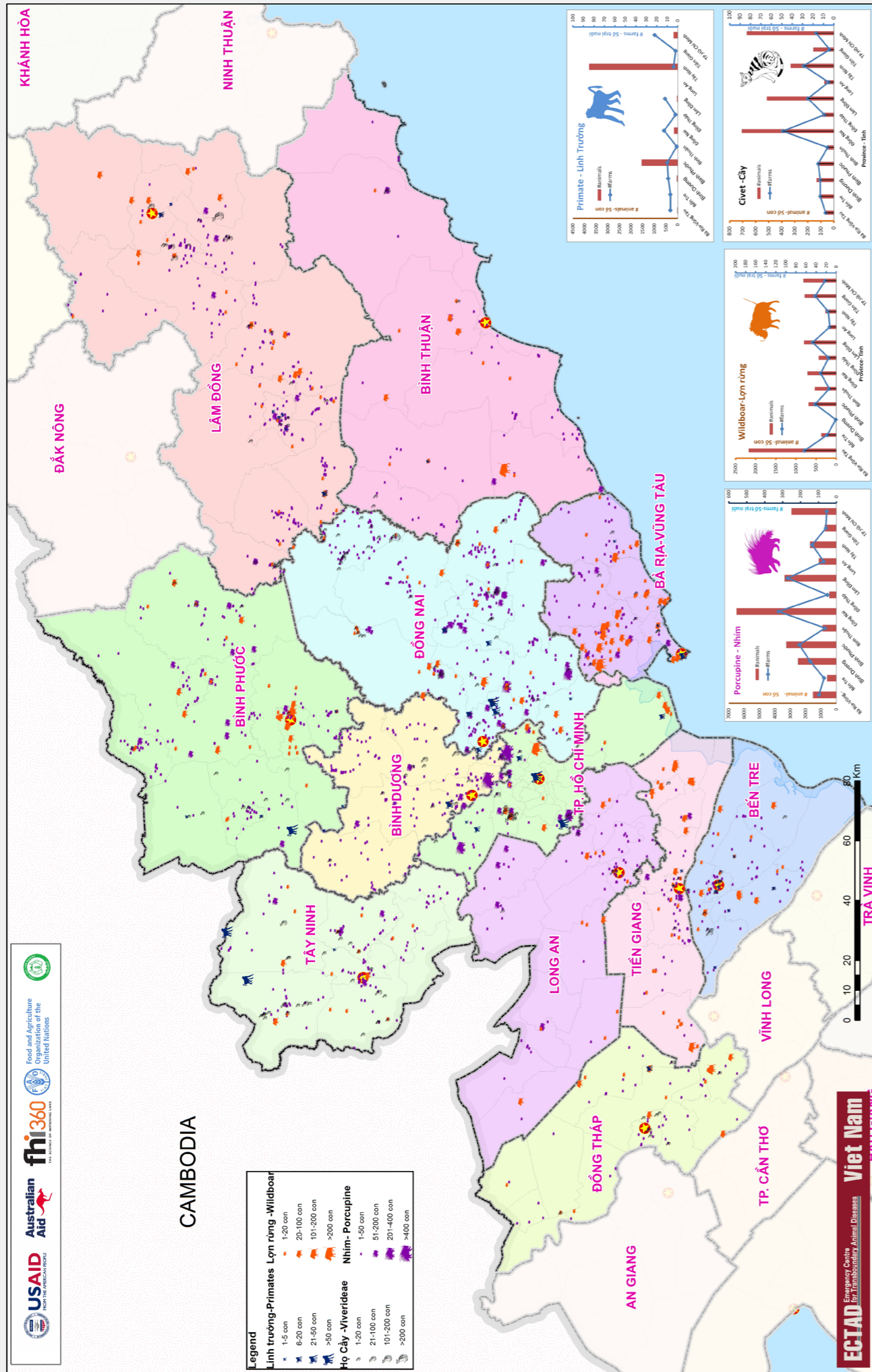
nuôi, an toàn thực phẩm và y tế mà các cơ quan quản lý có thể tập trung các biện pháp can thiệp trong tương lai.

Dự án này cũng xác định rằng ít nhất 46.000 cá thể thuộc các loài/họ có nguy cơ cao làm lây lan các bệnh truyền lây từ động vật sang người hiện đang được gây nuôi tại 12 tỉnh/thành được khảo sát, bao gồm động vật linh trưởng, cây, động vật gặm nhấm, và lợn rừng/lợn rừng lai. Hơn thế nữa, số lượng động vật hoang dã bị chết ở các cơ sở này khá lớn mà không có chăm sóc hoặc giám sát thú y, bao gồm việc không có chẩn đoán và mổ khám để xác định nguyên nhân chết của động vật. Do rất nhiều trong số các động vật này được nuôi để lấy thực phẩm, đây là một lĩnh vực về an toàn thực phẩm có liên quan đến việc bảo đảm thực phẩm an toàn cho tiêu dùng.

Cuộc khảo sát này đã cho thấy tầm quan trọng của việc thực hiện một cuộc khảo sát hàng năm để thu thập thông tin chính xác về quy mô và loại động vật hoang dã đang được gây nuôi. Các kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng có những thay đổi, không chỉ ở số lượng động vật, mà cả số lượng các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã, ví dụ như số lượng các cơ sở không hoạt động hoặc các cơ sở mới được thành lập. Chính vì vậy, cơ sở dữ liệu về gây nuôi động vật hoang dã phải được cập nhật hàng năm.

Hơn thế nữa, để phương thức chăn nuôi này phát triển hơn nữa, tạo thu nhập cho người chăn nuôi và kinh doanh, và cung cấp động vật an toàn, không dịch bệnh để tiêu thụ, cả chính quyền cấp trung ương và cấp tỉnh của Việt Nam phải cam kết cung cấp nguồn nhân lực và tài chính để hỗ trợ các Vụ/Cục của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có thẩm quyền quản lý việc gây nuôi động vật hoang dã.

PHÂN BỐ VÀ QUY MÔ GÂY NUÔI CÁC LOÀI ĐVHD CÓ NGUY CƠ MANG BỆNH TRUYỀN LÂY TẠI 12 TỈNH THÀNH PHÍA NAM -2014
FARM LOCATION AND SIZE FOR ZOONOTIC DISEASE RISK WILDLIFE SPECIES IN 12 SOUTHERN PROVINCES AND CITIES - 2014



CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH

Phương pháp khảo sát

Bộ công cụ khảo sát được xây dựng trong khuôn khổ dự án sử dụng để thu thập dữ liệu đơn giản để hướng dẫn mọi người sử dụng, dễ dàng cho các cán bộ lâm nghiệp địa phương áp dụng tại điều kiện hiện trường, thu thập được các thông tin quản lý cơ sở gây nuôi động vật hoang dã có giá trị. Các thông tin này không chỉ giúp cho công tác quản lý của Tổng cục Lâm nghiệp (VNForest) và Cục Kiểm lâm (DFP) mà còn rất có giá trị đối với các ngành khác như chăn nuôi, y tế, thú y và những người làm công tác bảo tồn nâng cao hiểu biết về: 1) các thách thức trong việc đăng ký các trang trại gây nuôi động vật hoang dã; 2) các loài quý hiếm đang được gây nuôi; và 3) rủi ro dịch bệnh, an toàn sinh học và an toàn thực phẩm.

Xây dựng năng lực

Việc tập huấn và triển khai khảo sát điều tra đã giúp nâng cao năng lực kỹ thuật của các cán bộ thuộc Chi cục kiểm lâm các tỉnh. Thông qua đó, việc này giúp tăng cường việc quản lý các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã nói chung đồng thời giúp giải quyết các vấn đề cụ thể liên quan tới các cơ sở không hoạt động cũng như các động vật vẫn còn tồn tại ở các cơ sở này, các quy định bổ sung cần triển khai hoặc bổ sung các quy định cần thiết nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể được xác định qua cuộc khảo sát này.

Số lượng các cơ sở và động vật gây nuôi

Số liệu được thu thập từ 4.099 cơ sở gây nuôi động vật hoang dã đang hoạt động và 1.907 cơ sở mới ngừng việc chăn nuôi các động vật hoang dã. Với các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã đang hoạt động, thông tin về 11.009 nhóm động vật được gây nuôi tại các cơ sở này bao gồm 5.587 nhóm động vật hoang dã và 5.422 nhóm động vật nuôi. Có tổng số 1.554.488 động vật đang được gây nuôi tại các cơ sở đã được khảo sát, trong đó có 1.216.773 động vật hoang dã thuộc 184 loài và 5 bộ.

Loại cơ sở gây nuôi động vật hoang dã phổ biến nhất là gây nuôi nhím (1.538 cơ sở/25.467 con), rắn ráo trâu (699 cơ sở/111.906 con) và hươu, nai (524 cơ sở/3.452 con) trong khi động vật có tổng số lượng cá thể được nuôi nhiều nhất là cá sấu, rùa và rắn ráo trâu, với 574.612 cá thể, tương đương 47 % tổng số động vật.

Quy định

Trong số các động vật hoang dã đã được lấy số liệu khảo sát, có 532.777 con, tương đương 44% tổng số con, thuộc 84 loài đã được đưa vào danh sách của CITES (Phụ lục I,II và III). Còn theo các quy định của Chính phủ Việt Nam, các cơ sở trên nuôi 713.639 con động vật hoang dã, tương đương 59% tổng số động vật được khảo sát, thuộc 91 loài thuộc diện quản lý (Danh sách IB, IIB nghị định 32 và các động vật hoang dã thông thường – Thông tư 47).

Đăng ký cơ sở gây nuôi động vật hoang dã

76% số cơ sở gây nuôi động vật hoang dã được khảo sát (tương đương 3.127 cơ sở) có đăng ký với Tổng Cục Lâm nghiệp và hầu hết các cơ sở đều tiến hành đăng ký trong

khoảng thời gian từ 2010-2013 (chiếm 77%). Trong số 971 cơ sở không đăng ký, 829 cơ sở nuôi 93.199 động vật thuộc đối tượng quản lý của Chính phủ. Loại động vật được nuôi nhiều nhất ở các cơ sở không đăng ký này là nhím, lợn rừng và trĩ đỏ hoang dã.

Cơ sở gây nuôi động vật hoang dã mới đóng cửa gần đây

Trong tổng số 1.916 cơ sở gây nuôi động vật hoang dã mới ngừng hoạt động, các loài động vật được nuôi trước đó chủ yếu là : nhím (924 cơ sở với tổng số 13.062 con), cá sấu (304 cơ sở với 41.768 con), rắn ráo trâu (191 cơ sở với 14.142 con), và lợn rừng (188 cơ sở với 3.745 con).

Gây nuôi nhiều loại động vật

Hầu hết các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã (95%) đều nuôi 1-2 loài động vật hoang dã. Chỉ có 17 cơ sở nuôi hơn 10 loài. 70% các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã cũng đồng thời nuôi gia súc gia cầm khác trong đó nhiều nhất là chó (53,7%), gà (37,1%), mèo (9%), lợn (9%). Trong số các cơ sở này, 54% số cơ sở nuôi từ 1-2 loài động vật nuôi trong khi có 14,3% số cơ sở nuôi từ 3-4 loài động vật nuôi.

Sinh sản của động vật gây nuôi

Một số loài bò sát như cá sấu, rắn và rắn ráo trâu rất dễ sinh sản trong điều kiện ở các cơ sở gây nuôi với tổng số 716.892 con đã được sinh sản trong năm 2013. Trong khi đó, một số loài có vú (như hổ, linh miêu, gấu) cũng có thể được sinh sản nhưng rất khó có được thông tin chi tiết về số động vật con được sinh ra. Các loài động vật có nguy cơ mang bệnh truyền lây như Lợn rừng (64%), nhím (50,9%), cây vòi đóm (34,6%) và khi đuôi dài (19,4%) sinh sản khá thành công tại một số cơ sở chăn nuôi động vật hoang dã.

Nguy cơ lây lan các dịch bệnh có thể lây từ động vật sang người

Các cơ sở gây nuôi cây, động vật linh trường và lợn, vốn có nguy cơ cao hơn trong việc làm lây lan các bệnh có thể lây từ động vật sang người, đã được khảo sát lấy dữ liệu, chú trọng tới các vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm bởi vì rất nhiều động vật hoang dã được gây nuôi để phục vụ mục đích tiêu dùng.

